

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 75/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 9 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mạc Hoàng Nhủ.

2. Ông Trịnh Tôn Nám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2017/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 7 năm 2017, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Th**, sinh năm 1970 (Có mặt).

Cư trú: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn Ch**, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Cư trú: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 7 năm 2017 và tại phiên tòa, bà Trần Thị Th trình bày: Vào năm 1990 bà và ông Huỳnh Văn Ch chung sống như vợ chồng và đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xảy ra cự cãi, xét cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn Ch. Về con chung có 02 người tên là Huỳnh Ru E, sinh năm 1992 và Huỳnh Sa Ph, sinh năm 1997, hiện cả hai người con đã trưởng thành và tự lao động sinh sống nên không yêu cầu giải

quyết. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Ch được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà Trần Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Th khởi kiện ông Huỳnh Văn Ch về tranh chấp ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Đồng thời, ông Huỳnh Văn Ch được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Ch được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Th và ông Huỳnh Văn Ch chung sống như vợ chồng vào năm 1990, do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà Trần Thị Th yêu cầu ly hôn nhưng ông Huỳnh Văn Ch không ý kiến. Đồng thời, bà Th và ông Ch chung sống như vợ chồng và không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân giữa bà Th và ông Ch không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Từ đó, không công nhận bà Trần Thị Th và ông Huỳnh Văn Ch là vợ chồng theo quy định tại các điều 9, 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, đều trưởng thành, có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét.

[4] Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Trần Thị Th chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, 14 của Luật hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà **Trần Thị Th** và ông **Huỳnh Văn Ch** là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Trần Thị Th chịu 300.000 đồng. Bà Trần Thị Th nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006618, ngày 06/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mỹ Nhi